

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GIA ĐỊNH (GDI)

TP.HCM, tháng 3 năm 2009



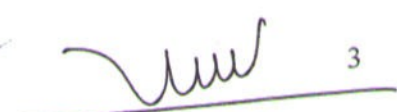
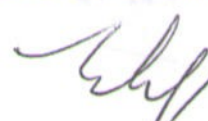



MỤC LỤC

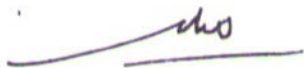

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Ngành nghề hoạt động	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và phạm vi trách nhiệm của công ty	7
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động và quản trị, điều hành của công ty	7
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của công ty	8
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ ĐÔNG - CỔ PHIẾU	9
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần	9
Điều 8. Cổ đông công ty	10
Điều 9. Quyền hạn của cổ đông công ty	10
Điều 10. Nghĩa vụ của các cổ đông	12
Điều 11. Cổ phiếu	13
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông	14
Điều 13. Mua lại cổ phần.....	14
Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	16
Điều 15. Chuyển giao cổ phần.....	17
Điều 16. Thu hồi cổ phần	17
CHƯƠNG III. TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	18
Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	18
I. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG	18
Điều 18. Đại hội cổ đông	18
Điều 19. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông	19
Điều 20. Triệu tập Đại hội cổ đông, chương trình họp và nội dung họp	20
Điều 21. Các đại diện được ủy quyền.....	21
Điều 22. Các điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội cổ đông	22
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội cổ đông	24

NMB
uu
huy
cho
3/

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông	24
Điều 25. Biên bản họp Đại hội cổ đông.....	25
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội cổ đông.....	26
II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 27. Hội đồng Quản trị - Thành phần và nhiệm kỳ	26
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.....	27
Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên Hội đồng Quản trị.....	29
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	30
Điều 31. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị.....	33
III. BỘ MÁY QUẢN LÝ	33
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	33
Điều 34. Bộ máy giúp việc	34
Điều 35. Thư ký công ty	34
Điều 36. Người quản lý	35
Điều 37. Đơn vị trực thuộc	35
IV. BAN KIỂM SOÁT.....	35
Điều 38. Bổ nhiệm Ban kiểm soát.....	35
Điều 39. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 40. Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát.....	36
Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	37
V. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	37
Điều 42. Trách nhiệm cân trọng	37
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	37
Điều 44. Trách nhiệm và bồi thường	38
VI. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	38
Điều 45. Thù lao, tiền lương, lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	38
Điều 46. Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát	38




3



Điều 47. Công khai các lợi ích liên quan.....	39
VII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	39
Điều 48. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
VIII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	40
Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	40
XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	40
Điều 50. Công nhân viên và công đoàn.....	40
CHƯƠNG IV. THỐNG KÊ TÀI KHÓA TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	40
I. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	40
Điều 51. Tài khoản ngân hàng.....	40
Điều 52. Quỹ dự trữ.....	40
Điều 53. Năm tài khóa.....	41
Điều 54. Hệ thống kế toán.....	41
II. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	41
Điều 55. Báo cáo hàng năm, 06 tháng và hàng quý.....	41
Điều 56. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	41
III. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	41
Điều 57. Kiểm toán.....	41
Điều 58. Con dấu.....	42
III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 59. Cổ tức.....	42
CHƯƠNG V. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG - TỎ CHỨC LẠI - GIẢI THỂ.....	43
Điều 60. Chấm dứt hoạt động.....	43
Điều 61. Sự bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông.....	44
Điều 62. Thanh lý.....	45
CHƯƠNG VI. ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....	45
Điều 63. Ngày hiệu lực.....	45

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIA ĐỊNH (GDI)

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty hoạt động theo điều lệ, các quy định, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và sẽ là cơ sở pháp lý, quy định ràng buộc việc tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 1. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại khoản 1 Điều 7 của Điều lệ này.
 2. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 3. "Hội đồng" hoặc "Hội đồng quản trị" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
 4. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 5. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005..
 6. "Luật" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.
 7. "Người quản lý" có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác được Hội đồng quản trị công ty bổ nhiệm.
 8. "Những người liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp.
 9. "Cổ đông" là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần.
 10. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

11. “**Đại hội Cổ đông**” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
 12. “**Chứng quyền**” có nghĩa là các loại chứng khoán được phát hành cùng với việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phần ưu đãi, cho phép người sở hữu chứng khoán được quyền mua một số cổ phần phổ thông nhất định theo mức giá đã được xác định trước trong thời kỳ nhất định.
 13. “**Ngày làm việc**” có nghĩa là các ngày mà công ty mở cửa làm việc bình thường (*trừ ngày nghỉ cuối tuần và ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật*).
 14. “**Cổ phần ưu đãi cổ tức**” có nghĩa là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
 15. “**Cổ phần ưu đãi hoàn lại**” có nghĩa là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện ghi lại tại cổ phần của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
2. Trong Điều lệ này bất cứ một tham chiếu nào đến bất kỳ điều khoản nào hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến ý nghĩa của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh, sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIA ĐÌNH.**

Tên Tiếng Anh: **GIA DINH DEVELOPMENT INVESTMENT CORPORATION**

(hiện nay GCN ĐKKD là GIA DINH DEVELOPMENT CORPORATION)

Tên viết tắt : **GDI CORP.**

2. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân đầy đủ, phù hợp với Pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty tại:

Địa chỉ: 67 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Q.1, Thành phố Hồ Chí Minh.

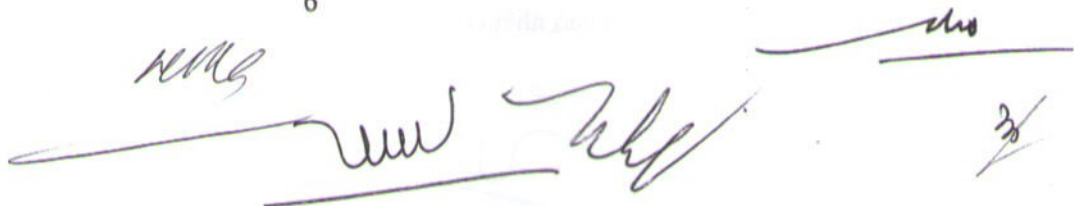
Điện thoại: (84-8) – 62909 688 (84-8) – 62909 689

Fax: (84-8) – 62909 698

Email: gdi@gdi.vn

Website: www.gdigroup.com.vn www.gdi.vn

4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.



5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Thời hạn hoạt động của công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn; Trừ khi bị chấm dứt hoạt động theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo Quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải tiến hành đúng trình tự các thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3: Ngành nghề hoạt động

1. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là đầu tư tài chính, đầu tư bất động sản, tổ chức các hoạt động sự kiện, nghiên cứu thị trường và thẩm định dự án đầu tư của các công ty trong và ngoài nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn trong các lĩnh vực chính:

- ❖ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông, hạ tầng kỹ thuật. San lấp mặt bằng. Kinh doanh khu nhà ở, văn phòng cho thuê. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (nhưng không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ trang trí nội thất.
- ❖ Thực hiện và thẩm định dự án đầu tư máy móc thiết bị - công nghệ phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sản phẩm, máy móc thiết bị, công nghệ, phụ tùng, vật tư và nguyên phụ liệu ngành công nghiệp.
- ❖ Thực hiện tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh. Thực hiện đầu tư tài chính dưới hình thức góp vốn, liên doanh, mua cổ phần bằng nguồn vốn của công ty, nguồn vốn ủy thác và các nguồn vốn hợp lệ khác của công ty.
- ❖ Thực hiện truyền thông doanh nghiệp dưới hình thức nghiên cứu và phân tích thị trường, tổ chức lễ hội, môi giới xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các công ty. Thực hiện các dịch vụ quảng cáo và tiếp thị

Công ty chỉ tiến hành kinh doanh những ngành nghề có điều kiện sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

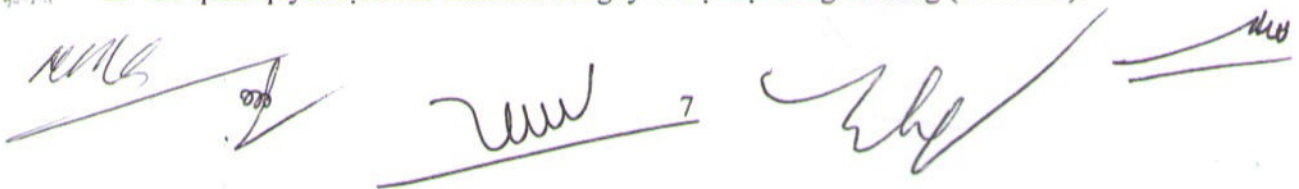
2. Mục tiêu của công ty là hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận; mức lãi cổ tức ngày càng cao; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước; tích lũy vốn, tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh; phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.
3. Khi cần thiết, Đại Hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc thu hẹp hoặc mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với qui định của pháp luật, nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và phạm vi trách nhiệm của công ty

1. Công ty được lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh và theo Điều lệ công ty phù hợp với quy định của pháp luật và tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp khác để đạt được các mục tiêu của công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
3. Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của công ty do các cổ đông góp.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức hoạt động và quản trị, điều hành của công ty

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).



3. ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (HĐQT) để quản lý công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản lý, điều hành công ty.
4. Điều hành hoạt động của công ty là Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.
5. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động theo Pháp luật, Điều lệ của tổ chức Đảng và theo Quy định 140 của Ban chấp hành Trung ương về quy định hoạt động của Đảng bộ, Chi bộ cơ sở trong các công ty cổ phần có vốn Nhà nước.
6. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong công ty hoạt động theo pháp luật và điều lệ của tổ chức đó.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của công ty

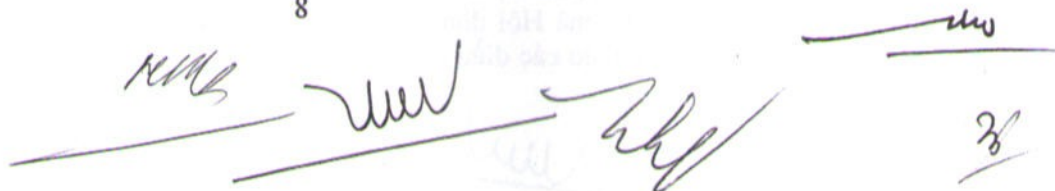
1. Quyền của công ty:

Công ty có các quyền cơ bản theo luật định như sau:

- a. Quyền tự chủ kinh doanh: chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- b. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- c. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- d. Tuyển dụng, thuê, sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- e. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- f. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của công ty.
- g. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
- h. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
- i. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của công ty:

- a. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã ghi trong Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện.
- b. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
- c. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- d. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
- e. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về công ty, tình hình tài chính của công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. On the right side, there is a red circular stamp with the text 'T.C.P. * HN' around the perimeter. Below the signatures, there are some faint, illegible markings and a small handwritten mark resembling the number '28'.

- f. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.
- g. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ ĐÔNG - CỔ PHIẾU

Điều 7: Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ

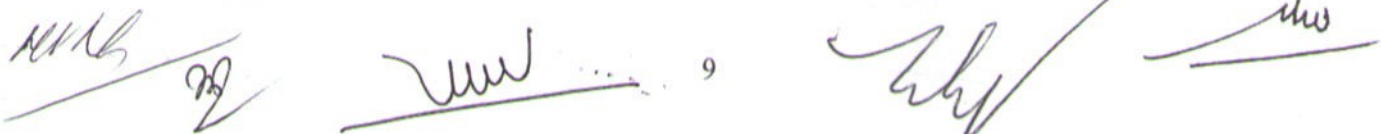
Vốn điều lệ của Công ty là **400.000.000.000 đồng** (bốn trăm tỷ đồng chẵn) do các cổ đông của công ty góp dưới hình thức mua cổ phần.

- a. Vốn điều lệ có thể được góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, và các tài sản khác và được hạch toán thống nhất theo một đơn vị là Đồng Việt Nam.
- b. Vốn điều lệ của công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của mình, công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của các cổ đông.
- c. Tăng giảm vốn điều lệ: Mọi trường hợp tăng hay giảm vốn điều lệ phải do Đại hội cổ đông quyết định và phải làm thủ tục đăng ký tăng, giảm vốn tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Cổ phần

- a. Số cổ phần: Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành **40.000.000** cổ phần.
- b. Mệnh giá cổ phần: **10.000 VNĐ/cổ phần**.
- c. Tất cả cổ phần của công ty đều là cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần đều tạo cho người sở hữu nó quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau về mọi mặt trừ quy định tại điểm (a) khoản 2 điều 8 của Điều lệ này
- d. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết khi tham gia Đại hội Cổ đông.
- e. Công ty có thể phát hành cổ phiếu ưu đãi hoặc không ưu đãi, và khi có phê chuẩn của Đại hội cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền có quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định các loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
- f. Số lượng, điều kiện sở hữu các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội cổ đông quyết định.

- 3. Sau khi đăng ký kinh doanh và chào bán cổ phần lần đầu, mọi cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng hiện có mà họ đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn hai mươi một ngày) để chấp nhận việc đặt mua. Mọi cổ phần nào không được đặt mua theo thông báo chào bán sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ

 9

đồng, trừ khi các cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

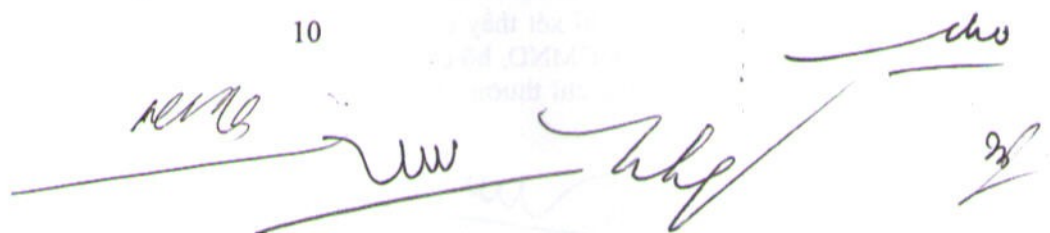
4. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) bằng bất kỳ cách nào mà Luật Doanh nghiệp cho phép và nếu phù hợp, trong phạm vi tất cả các thẩm quyền mà Đại hội đã cho phép như đã quy định trong Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. Bất kỳ cổ phần nào được công ty mua lại đều được giữ lại làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 8: Cổ đông công ty

1. Cổ đông của công ty có thể là những tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc cá nhân đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty và có đủ điều kiện góp vốn đầu tư vào công ty theo luật định. Trong suốt thời gian hoạt động công ty luôn có tối thiểu là 3 (ba) cổ đông.
2. Cổ đông sáng lập của công ty là cổ đông/nhóm cổ đông tham gia thông qua và ký vào điều lệ lần đầu của công ty. Cổ đông sáng lập có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
 - a. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho các cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được quyền chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.
 - b. Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.
3. Cổ đông phổ thông là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông.
4. Cổ đông ưu đãi là cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi bao gồm: Cổ đông ưu đãi biểu quyết, cổ đông ưu đãi cổ tức, cổ đông ưu đãi hoàn lại và cổ đông ưu đãi khác theo quy định của Đại hội cổ đông từng thời kỳ.
5. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình thực hiện các quyền của cổ đông bằng văn bản ủy quyền. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Đại diện được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Đại diện được ủy quyền không được đem thế chấp, cầm cố và bảo lãnh số cổ phiếu được ủy quyền trong bất kỳ trường hợp nào. Văn bản ủy quyền phải được lập theo mẫu của HĐQT ban hành. Đại diện được ủy quyền có thể bị thu hồi quyền bởi văn bản chấm dứt ủy quyền do cổ đông ủy quyền đăng ký.

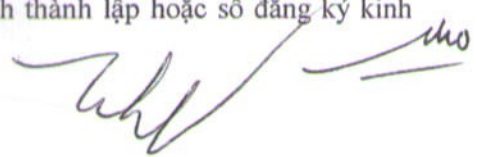
Điều 9: Quyền hạn của cổ đông công ty

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quy định của Đại hội cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho các cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ các trường hợp được quy định trong Luật Doanh nghiệp;

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. There are also some faint, illegible stamps or markings, including a red circular stamp on the right side. The signatures appear to be of various individuals, possibly representing the company or the legal entities mentioned in the text.

- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tổng số cổ phần phổ thông mà họ đang sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông, có quyền yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
 - g. Trong trường hợp công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của công ty tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu, nhưng chỉ sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;
 - h. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật doanh nghiệp.
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có thêm các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định như sau:
 - ❖ Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội cổ đông;
 - ❖ Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của Hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - c. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau:
 - ❖ Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - ❖ Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - ❖ Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội cổ đông.
 - ❖ Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh



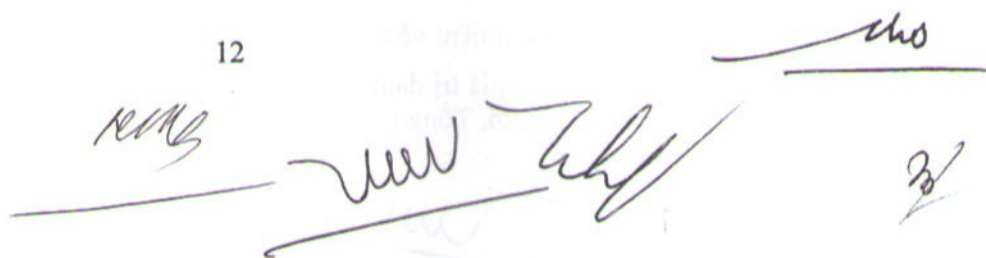


doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:
- Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định của Đại hội cổ đông trong từng thời kỳ;
 - Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ các trường hợp quy định trong Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau:
- Nhận cổ tức với mức theo quy định của Đại hội cổ đông trong từng thời kỳ;
 - Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại sau khi công ty giải thể hoặc phá sản;
 - Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 điều 82 của Luật Doanh nghiệp.
6. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền sau:
- Yêu cầu công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
 - Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông; trừ trường hợp quy định trong Luật Doanh nghiệp.
7. Cổ đông có quyền thừa kế cổ phần:
- Công ty tôn trọng quyền thừa kế tài sản (là cổ phần) được quy định trong Bộ Luật Dân sự Việt Nam.
 - Khi được cơ quan hữu quan công nhận quyền thừa kế hợp pháp, người hưởng di sản thừa kế được đăng ký sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành chủ sở hữu mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.
 - Cổ phần của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát cũng được thừa kế theo mục b khoản này, nhưng người nhận thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, thành viên BKS.

Điều 10: Nghĩa vụ của các cổ đông

- Tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ; các Quyết định của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
- Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;
- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút;
- Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này;



5. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- ❖ Vi phạm pháp luật;
 - ❖ Tiến hành kinh doanh và các giao dịch để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - ❖ Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

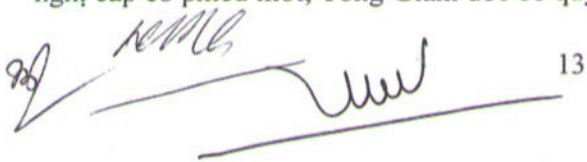
Điều 11: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Mọi cổ đông có tên trong Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty đều có quyền được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Chứng chỉ cổ phiếu này có thể ghi tên hoặc không ghi tên.
2. Mỗi cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty thay thế nhiều cổ phiếu đại diện cho các cổ phần nắm giữ bằng một cổ phiếu chung.
3. Hình thức của cổ phiếu phát hành do Hội đồng quản trị quyết định. Trong phạm vi được Pháp luật quy định Cổ phiếu ghi danh sẽ bao gồm các thông tin dưới đây:
 - a. Tên và trụ sở của Công ty;
 - b. Số se-ri và ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh;
 - c. Loại cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;
 - d. Tên Cổ đông; địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
 - e. Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty
 - g. Số đăng ký tại Sổ Đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
 - h. Các nội dung khác theo quy định trong Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.
5. Trường hợp cổ phiếu bị xoá, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, Hội đồng quản trị sẽ cấp lại cổ phiếu theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan với điều kiện cổ đông đó phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty.

Đề nghị cổ đông phải cam kết về các nội dung sau đây:

- a. Cổ phiếu đã thực sự bị xoá, hư hỏng, mất, bị cháy hoặc bị thiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo



về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy, bị thiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo hoặc các mục đích bất hợp pháp khác.
7. Căn cứ vào các quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty còn có thể phát hành cổ phiếu ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần này được chuyển nhượng mà không cần phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị sẽ ban hành các quy định về việc phát hành và chuyển nhượng loại cổ phần này.

Điều 12: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu trữ Sổ đăng ký cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ Đăng ký cổ đông phải có các nội dung sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông; và ngày đăng ký cổ phần;
 - f. Các chi tiết khác do Hội đồng quản trị quy định vào từng thời điểm.
3. Sổ Đăng ký Cổ đông được lưu trữ tại văn phòng của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm về việc bảo quản, cập nhật Sổ đăng ký cổ đông, và về tính chính xác của tất cả các thông tin ghi chép trong sổ. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép nội dung đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
4. Cổ đông có sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.
5. Chậm nhất là 14 ngày sau khi nhận được thanh toán đầy đủ cho Cổ phần do công ty phát hành, Tổng Giám đốc sẽ ghi chép các chi tiết có liên quan đến Cổ đông và trong Sổ Đăng ký Cổ đông.
6. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết về bất cứ sự thay đổi địa chỉ của họ. Trong trường hợp công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ Đăng ký cổ đông.
7. Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm chứng minh tính chính xác của bất kỳ các thông tin hoặc thiếu sót nào ghi chép trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu Công ty không tuân thủ theo các điều khoản đã đề cập trong đoạn này.

Điều 13: Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten signature

Handwritten signature

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần. Yêu cầu phải bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần mỗi loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại điểm này.
- b. Công ty phải mua cổ phần theo yêu cầu của cổ đông được quy định tại điểm a trên đây với giá thỏa thuận trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

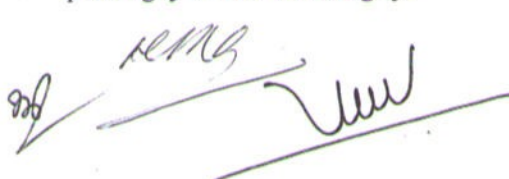
2. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty:

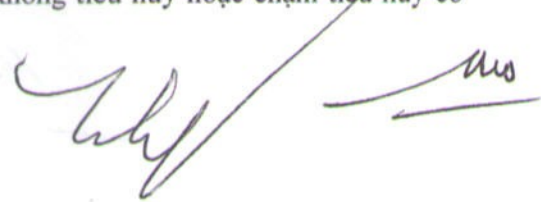
Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do Đại hội cổ đông quyết định;
- b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (c) dưới đây. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.
- d. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Khoản 1 và khoản 2 trên đây nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;
- b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 1 và khoản 2 trên đây được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
- c. Cổ phiếu xác định quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.





- d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 14: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - d. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Hội đồng quản trị quyết định trong từng thời kỳ.
2. Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc; kể từ ngày thông báo.
 - b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của Tổng Giám đốc. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;
 - c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được xem là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
4. Sau khi cổ phần được bán công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu, trong trường hợp này các thông tin về cổ đông được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.
5. Điều kiện phương thức, thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

(Handwritten signatures and stamps)

(Red circular stamp: C.T.C.P. HNH)

(Red circular stamp: S.D.K)

6. Việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Cổ phần được tự do chuyển nhượng cho bất kỳ người nào theo quy định và thủ tục do Pháp luật và/hoặc Điều lệ này quy định. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào trong Sổ Cổ đông theo quy định tại điều 12 của Điều lệ này. Việc chuyển nhượng cổ phần cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.
8. Để đăng ký việc chuyển nhượng cổ phần trong Sổ Đăng ký cổ đông, Cổ đông phải nộp cho công ty thoả thuận chuyển nhượng cùng với Cổ phiếu thể hiện số cổ phần được chuyển nhượng và bất kỳ các bằng chứng nào khác của việc chuyển nhượng mà Chủ tịch có thể yêu cầu một cách hợp lý. Việc chuyển nhượng có thể được người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng hoặc đại diện của họ ký.
9. Trong trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
10. Công ty phải lưu trữ tất cả các chuyển nhượng có liên quan đến việc chuyển nhượng các cổ phần đã đăng ký.
11. Ngay sau khi nhận được đơn chuyển nhượng và cổ phiếu liên quan có hình thức phù hợp như quy định của điều khoản này, Chủ tịch phải ghi nhận các chi tiết liên quan đến việc chuyển nhượng vào Sổ Đăng ký cổ đông. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào trong Sổ Đăng ký cổ đông nếu như việc chuyển nhượng chưa được thanh toán đầy đủ, hoặc không được pháp luật cho phép hoặc trái với điều khoản của Điều lệ này. Nếu Hội đồng quản trị từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng cổ phần, việc từ chối này phải được thông báo cho người được chuyển nhượng Cổ phần trong thời gian hai tháng.

Điều 15: Chuyển giao cổ phần

1. Nếu một cổ đông qua đời, thì người hoặc những người đồng sở hữu còn sống trong trường hợp cổ phần được đồng sở hữu bởi những người này, hoặc người đại diện trong trường hợp Cổ đông này là chủ sở hữu duy nhất của cổ phần, sẽ là người được công ty thừa nhận tất cả các quyền đối với Cổ phần.
2. Một người có các quyền thừa hưởng đối với một cổ phần vì lý do một cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ trở thành Cổ đông với điều kiện người đó cung cấp các bằng chứng đáp ứng với yêu cầu của Hội đồng quản trị.
3. Một người có quyền thừa hưởng đối với cổ phần vì lý do Cổ đông nắm giữ cổ phần này qua đời hoặc bị phá sản sẽ có mọi quyền đối với cổ phần như thể người này là cổ đông, ngoại trừ quyền tham dự và biểu quyết trong các Đại hội cổ đông thì chỉ có được sau khi người này đã đăng ký thành Cổ đông.

Điều 16: Thu hồi cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất cứ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi có thể được luỹ kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh của Công ty do việc thanh toán này.
2. Thông báo nêu trên sẽ phải đưa ra một thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ phải bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của bất kỳ thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất cứ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu

hội này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi vay cho vay bằng VNĐ kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp, hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Sau khi cổ phần đã được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17: Cơ cấu tổ chức quản lý

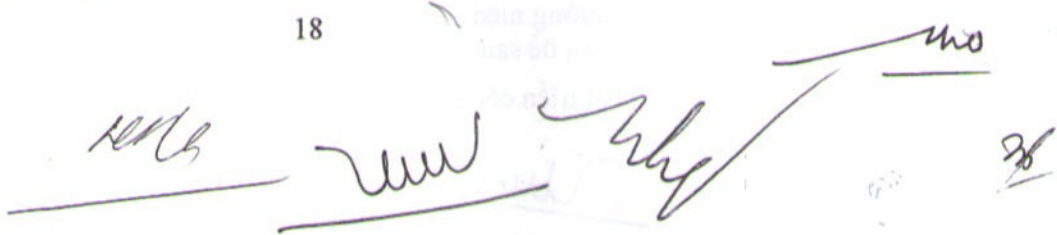
Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty bao gồm:

- a. Đại hội cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị.
- c. Ban Kiểm soát.
- d. Tổng Giám đốc.
- e. Các chức danh quản lý khác của công ty.

I. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG:

Điều 18: Đại hội cổ đông

1. Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội cổ đông bao gồm: Đại hội cổ đông thường niên và Đại hội cổ đông bất thường. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và thời gian họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Đại hội cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm nào đó ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Trong trường hợp không thể tổ chức Đại hội cổ đông thường niên như thời hạn quy định thì Hội đồng quản trị sẽ đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian tổ chức Đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật.
3. Đại hội cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính hằng năm;

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. There are also some faint red circular stamps on the right side, partially visible, containing the characters 'AU' and 'G'. The signatures appear to be official approvals or signatures of the board members or management.

- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
 - e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền và các vấn đề khác được Luật pháp và Điều lệ này quy định.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của công ty.
 - b. Bảng cân đối kế toán hằng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy một nửa số vốn điều lệ đã bị mất.
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục tối thiểu là 06 tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của cổ đông liên quan.
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm (c) khoản 4 điều 18 hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm (d) hoặc (e) khoản 4 điều này.
- a. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong vòng ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội cổ đông.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.
 - d. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định thì những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d khoản 4 trên đây có thể triệu tập Đại hội cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - e. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 19: Quyền và Nhiệm vụ của Đại hội cổ đông

1. Đại hội cổ đông Thường niên và Bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết về các vấn đề sau:
 - a. Định hướng phát triển công ty;

- b. Báo cáo Ban Kiểm soát về tình hình công ty;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - e. Phê chuẩn báo cáo tài chính hằng năm;
 - f. Mức cổ tức được thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của công ty và phù hợp với Luật doanh nghiệp.
 - g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - h. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, phê chuẩn Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - i. Quyết định lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;
 - m. Tổ chức và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông của Công ty;
 - o. Giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất và mua lại 10% cổ phần mỗi loại đã phát hành;
 - p. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;
 - q. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền và các vấn đề khác được Luật pháp và Điều lệ này quy định.
2. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
 - a. Các hợp đồng mà cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
 3. Đại hội Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 20: Triệu tập Đại hội cổ đông, chương trình họp và nội dung họp

1. Chương trình và nội dung họp
 - a. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải thực hiện nhiệm vụ sau đây:
 - ❖ Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội cổ đông; chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - ❖ Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông.
 - ❖ Thông báo và gửi thư triệu tập họp Đại hội cổ đông đến tất cả cổ đông có quyền dự họp.

The bottom of the page features several handwritten signatures and marks. On the left, there is a signature that appears to be 'RTH'. In the center, there is a signature that looks like 'Uuu'. To the right, there is a large, stylized signature that could be 'Rhy'. Further to the right, there is a signature that looks like 'Uuo'. At the bottom right corner, there is a small mark that looks like '28'.

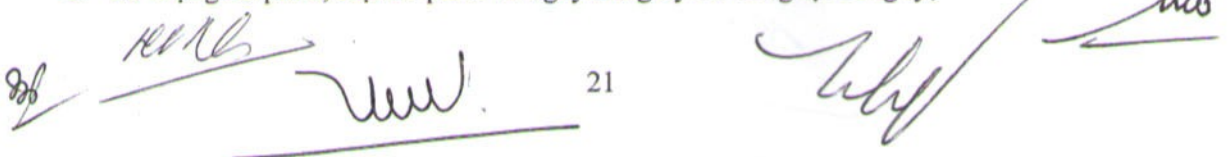
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định trong Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội cổ đông. Kiến nghị bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất bảy ngày làm việc trước khi bắt đầu Đại hội cổ đông kiến nghị phải phải bao gồm tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty và nội dung vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- c. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm (b) khoản này nếu có một trong các trường hợp sau:
 - ❖ Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - ❖ Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông;
 - ❖ Trường hợp khác do Đại hội cổ đông quyết định trong từng thời kỳ.
- d. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm (b) khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm (c) khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội cổ đông chấp thuận.
- e. Đối với từng vấn đề chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một Nghị quyết.

2. Mời họp Đại hội cổ đông:

- a. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải gửi giấy triệu tập họp kèm theo chương trình họp, các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của công ty đến tất cả cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 10 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội cổ đông (tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu công ty có website, thông báo về Đại hội cổ đông phải được công bố trên website đồng thời với việc thông báo bằng văn bản cho các cổ đông.
- b. Thông báo được gửi bằng cách chuyển tận tay hay bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông. Nếu một cổ đông đã thông báo cho công ty bằng văn bản về số fax và địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi đến số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
- c. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
- d. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 21: Các đại diện được ủy quyền


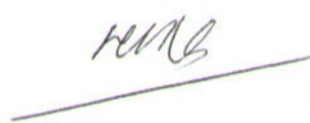
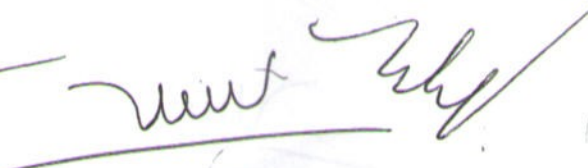

1. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của luật pháp; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Việc cử, chấm dứt hay thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông tại công ty;
 - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;



- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy CMND, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
 - d. Họ tên và chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
2. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 1 trên đây thì ủy quyền người khác đến dự họp Đại hội cổ đông.
 3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội cổ đông phải lập bằng văn bản theo mẫu chung của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; ngoài ra phải được đóng dấu của pháp nhân.
Người được ủy quyền họp Đại hội cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 5. Quy định tại Khoản 3 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội cổ đông.
 6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.


Điều 22: Các điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội cổ đông

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông:
 - a. Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - b. Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (a) khoản này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - c. Trường hợp Đại hội cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (b) khoản này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Trong trường hợp này cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
 - d. Chỉ có Đại hội cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

2. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông

- a. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Khi tiến hành đăng ký dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền biểu quyết thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp; trên đó có ghi số đăng ký, tên cổ đông, tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- b. Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội cổ đông được quy định như sau:
 - ❖ Đại hội cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa, hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc bất cứ người nào khác do Đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ tọa của Đại hội, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên của Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu ra của Đại hội đề cử thư ký để lập biên bản của đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.
 - ❖ Chủ tọa cử thư ký lập biên bản họp Đại hội cổ đông;
 - ❖ Đại hội cổ đông bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- c. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc;
- d. Chủ tọa và thư ký Đại hội cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người họp;
- e. Đại hội cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết tại đại hội được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành hay phản đối một vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành.
- f. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp Đại hội cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- g. Người triệu tập Đại hội cổ đông có quyền:
 - ❖ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - ❖ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội cổ đông.
- h. Chủ tọa có quyền trì hoãn cuộc họp Đại hội cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:
 - ❖ Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
 - ❖ Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.



Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

- i. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp trái với quy định tại điểm (h) khoản này, Đại hội cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 23: Thông qua quyết định của Đại hội cổ đông

1. Đại hội cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Đại hội cổ đông có quyền ra quyết định thông qua Nghị quyết về các vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ này. Nghị quyết của Đại hội cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông.
3. Các Nghị quyết của Đại hội cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:
 - a. Được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
 - b. Đối với các quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
5. Quyết định của Đại hội cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 24: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua

Quyết định của Đại hội cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông được thực hiện theo quy định sau:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty
 - b. Mục đích lấy ý kiến;

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. On the right side, there is a red circular stamp with the text 'C.T.C.P' at the top, 'MINH' at the bottom, and a star in the center. Below the stamp, there is another red stamp with the text 'S.Đ.K' and a star. The signatures are written over a horizontal line that spans across the page.

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung kiểm phiếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ; kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát cổ phiếu liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính công ty.
- 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 25: Biên bản họp Đại hội cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng Tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

- d. Chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các quyết định đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị chính.

2. Biên bản họp Đại hội cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 26: Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Điều 27: Hội đồng quản trị - Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị phải là cổ đông của công ty hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông là pháp nhân và phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; có trình độ đại học hoặc tương đương; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp và Điều lệ công ty.
3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Số thành viên của Hội đồng quản trị sẽ có ít nhất ba thành viên và không quá bảy thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại tại Đại hội cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể là thành viên kiêm nhiệm.

- b. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc
 - c. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
4. Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.
 5. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị.
 6. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính công ty
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng bởi sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống
 - e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội cổ đông.
 - f. Thành viên Hội đồng Quản trị nếu là đại diện của cổ đông là pháp nhân, khi không còn là đại diện cho pháp nhân đó nữa và pháp nhân đó đã giới thiệu bằng văn bản đại diện khác vào Hội đồng Quản trị thì đương nhiên bị miễn nhiệm không cần có thư từ chức.
 7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi Đại hội cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 28: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị


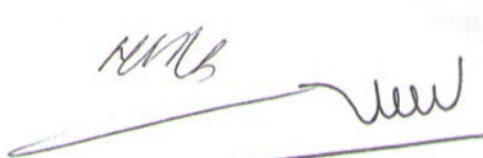
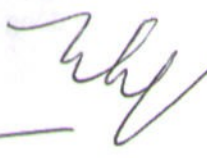

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế của công ty và Nghị quyết Đại hội cổ đông quy định.
2. Hội đồng quản trị có những quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung dài hạn, kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hằng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội cổ đông thông qua;
 - c. Quyết định việc tiến hành nghiên cứu triển khai thực hiện các dự án phát triển công ty;
 - d. Thực hiện các khiếu nại của công ty về người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty trong các thủ tục pháp lý để chống lại người quản lý đó;
 - e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - f. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

Handwritten signature

Handwritten signature 27

Handwritten signature

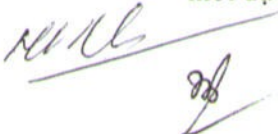
- g. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và chứng khoán chuyển đổi;
 - h. Quyết định huy động thêm vốn bằng hình thức khác;
 - i. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định tại điều lệ này;
 - j. Quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp;
 - k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc công ty con, chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của công ty khác; quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - l. Giám sát chi đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện.
 - n. Duyệt chương trình nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội cổ đông, triệu tập họp Đại hội cổ đông hoặc lấy ý kiến Đại hội cổ đông thông qua quyết định;
 - o. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội cổ đông;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của công ty;
 - c. Chỉ định và bãi nhiệm những người được công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền;
 - d. Mọi việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;
 - e. Định giá các tài sản góp vào công ty không bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - f. Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - g. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phiếu theo từng loại;
 - h. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
 - i. Việc thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành;
 - j. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phiếu của công ty.
4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Luật pháp và Điều lệ quy định khác đi.

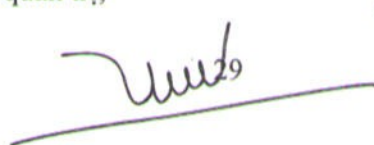





5. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
6. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của Hội đồng quản trị, có thể được trả tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
7. Các thành viên của Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả để thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng.

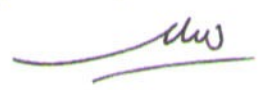
Điều 29: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các thành viên của mình để bầu ra chủ tịch và một hoặc nhiều phó chủ tịch. Trừ khi Đại hội cổ đông quyết định khác đi, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ kiêm chức Tổng giám đốc công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa Đại hội cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác qui định tại Điều lệ này và theo Luật doanh nghiệp. Phó chủ tịch có quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu chủ tịch không chỉ định một Phó chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và các Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.
3. Ngoài ra Chủ tịch Hội đồng quản trị còn có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Ký văn bản duyệt Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội cổ đông thông qua;
 - f. Ký tên trên giấy chứng nhận góp vốn/cổ phiếu của các cổ đông; ký giấy thông báo chuyển nhượng cổ phiếu;
 - g. Quyết định các vấn đề khi được Hội đồng quản trị ủy quyền;
 - h. Giải quyết các vấn đề cần giải quyết gấp mà không thể triệu tập họp Hội đồng quản trị, sau đó phải báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về quyết định này;
 - i. Trong trường hợp cần thiết được quyền ra quyết định tạm bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi chức các chức danh do Hội đồng Quản trị quản lý. Sau đó phải báo cáo lại cho Hội đồng quản trị trong một phiên họp gần nhất hoặc có thể thông báo trực tiếp cho các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản;
 - j. Tùy tính chất từng cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mở rộng thêm thành phần mời dự họp Hội đồng quản trị;









- k. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông.
 5. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
 6. Khi cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 30: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.
3. Đối với các cuộc họp định kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý một cuộc họp.
4. Đối với các cuộc họp bất thường, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người Quản lý;
 - c. Có đề nghị ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định trong từng thời kỳ.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng hai tuần kể từ ngày nhận đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty, những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo họp Hội đồng quản trị chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp phải gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

NMB
uuu
khj
ms
sh

7. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
9. Địa điểm họp: các cuộc Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí Hội đồng quản trị.
10. Thông báo và chương trình họp: các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm cuộc họp và phải được kèm theo nội dung những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
11. Biểu quyết
 - a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một quyền biểu quyết.
 - b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích (cùng với lợi ích của bất kỳ người liên đới nào) mà đối với thành viên đó lợi ích này đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của công ty; hoặc lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà lại mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền bỏ phiếu
12. Một thành viên Hội đồng quản trị bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
13. Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
14. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho cá nhân khác tham gia cuộc họp bằng văn bản.
15. Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức Nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều



lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Nghị quyết được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

16. Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Những thành viên có mặt trong số nhóm thành viên tối thiểu để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

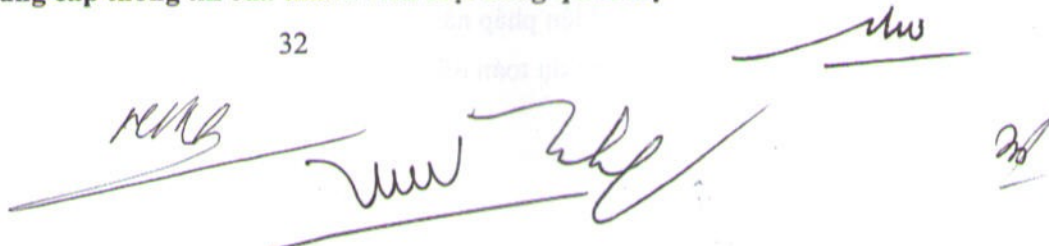
Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một Nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký

17. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản và có các nội dung sau:
 - ❖ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ❖ Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - ❖ Thời gian, địa điểm họp;
 - ❖ Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - ❖ Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - ❖ Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - ❖ Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành, không có ý kiến;
 - ❖ Các quyết định đã được thông qua;
 - ❖ Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
- b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Các Biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và sẽ phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

18. Tổng Giám đốc, những người quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 31: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị



1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Giám đốc, người quản lý trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

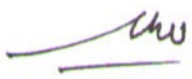
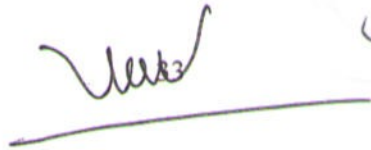
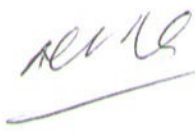
III. BỘ MÁY QUẢN LÝ:

Điều 32: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải thành lập một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm, và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc và một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp pháp.

Điều 33: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc (trừ quy định tại khoản 1 điều 29) và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến tuyển dụng.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc hoạt động, kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc hoạt động, kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả những người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - d. Kiến nghị phương án về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
 - e. Kiến nghị phương án chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - f. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng và phù hợp các yêu cầu của ngân sách cũng như kế hoạch ngân sách năm năm;
 - g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm cho Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của công ty;
 - i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm hằng tháng của công ty.



- j. Đại diện cho công ty trong việc khởi kiện, giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động;
 - k. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.
 6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
 7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với trên 50% thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành.

Điều 34: Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành công việc của công ty, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ theo phân cấp của Tổng Giám đốc.
2. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Bộ máy giúp việc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 35: Thư ký Công ty

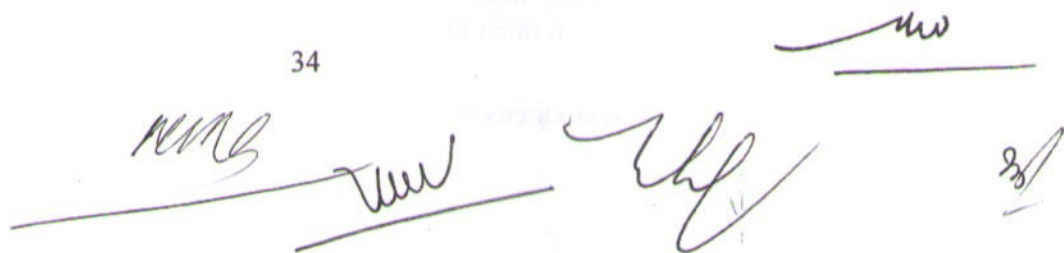
Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký công ty vào bất kỳ thời điểm nào khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm Soát;
2. Làm Biên bản các cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tập hợp và cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát khi có yêu cầu;
5. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật .

Điều 36: Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại người quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ phải do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những người quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 37: Đơn vị trực thuộc

The page contains several handwritten signatures and lines. At the top right, there is a signature above a horizontal line. Below this, there are three more signatures, each with a horizontal line underneath it. The signatures are written in dark ink and appear to be initials or names.

1. Công ty có thể thành lập các đơn vị trực thuộc bao gồm nhưng không giới hạn Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.
2. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các vấn đề khác liên quan tới các đơn vị trực thuộc của công ty do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
3. Về thành lập, tổ chức và hoạt động các đơn vị trực thuộc của công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

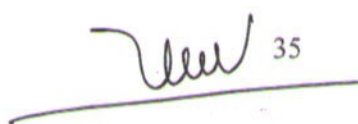
IV. BAN KIỂM SOÁT:



Điều 38: Bổ nhiệm Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có từ ba đến năm thành viên. Số lượng cụ thể do Đại hội cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
2. Mỗi cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Ban Kiểm soát;
3. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát;
4. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán. Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm soát viên:
 - a. Là cổ đông công ty;
 - b. Đã tốt nghiệp một trường đại học. Không thuộc đối tượng bị cấm không được làm kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trung thực, hiểu biết pháp luật, có sức khỏe để đảm bảo hoàn thành trách nhiệm;
 - d. Kiểm soát viên không thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác; không thể là những người liên quan của những người được liệt kê ở trên.
5. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
6. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính công ty;
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng bởi chứng rối loạn tâm thần và những thành viên khác của Ban Kiểm soát cho rằng thành viên đó bị mất năng lực hành vi
 - d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 6 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát mà không được phép của Ban Kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.
 - e. Ngoài ra thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế

Điều 39: Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát




 35

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán tại công ty.
3. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định trong Điều lệ này.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định trong Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc Kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của công ty.
7. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, quyết định của Đại hội cổ đông.
9. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

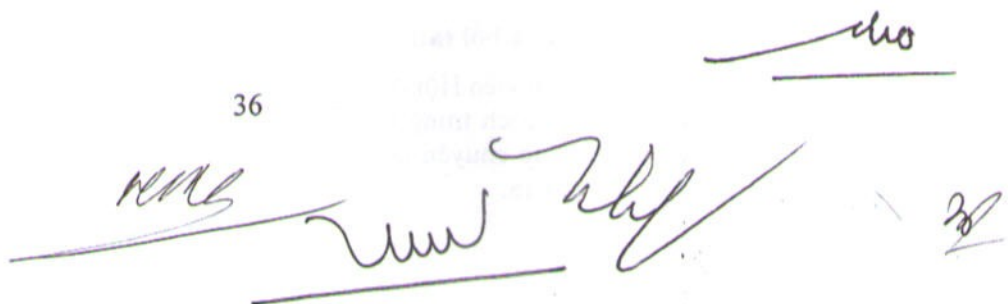
Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội cổ đông.

Điều 40: Quyền và trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Chỉ đạo Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ này;
2. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
3. Yêu cầu công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát
4. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội cổ đông.

Điều 41: Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

The bottom of the page features several handwritten signatures and initials. On the right side, there is a signature that appears to be 'duo' written over a horizontal line. Below this, there are several other signatures and initials, including one that looks like 'MMB' and another that is more stylized. There is also a small mark on the far right edge.

2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ:

Điều 42: Trách nhiệm cần trọng

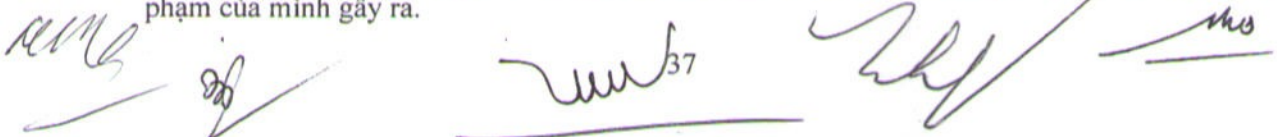
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của công ty và với một mức độ cần trọng mà bất cứ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhận vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 43: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng bày chi có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh tính dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội cổ đông có quyết định khác;
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc các tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý hoặc có liên quan đến lợi ích tài chính sẽ không bị vô hiệu hóa chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì phiếu bầu của họ cũng được tính biểu quyết về mục đích đó.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 44: Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cần trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.



2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do công ty thực hiện hoặc quyền khởi xướng của công ty). Nếu người đó đã và đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên đại diện hoặc ủy quyền của công ty (hay công ty con của công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của công ty (hay công ty con của công ty) với tư cách thành viên của Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác, những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn thận, mẫn cán với năng lực chuyên môn theo phương thức và người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó để tránh những nhiệm vụ bồi thường nêu trên.

VI. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ:

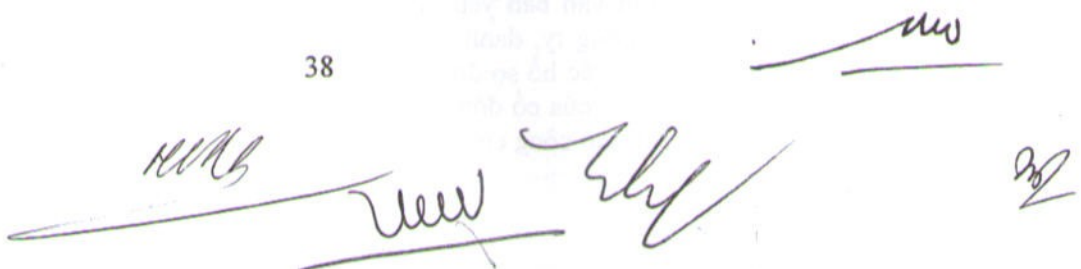
Điều 45: Thù lao, tiền lương, lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng thù lao, tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty;
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính vào số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự định mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo tại Đại hội cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 46: Thù lao và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội cổ đông. Đại hội cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội cổ đông có quyết định khác;
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.



Điều 47: Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ, trụ sở chính, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

VII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Điều 48: Giải quyết tranh chấp nội bộ

Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

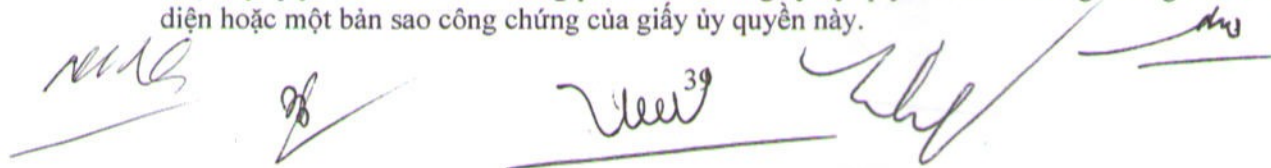
- a. Một cổ đông hay các cổ đông với công ty; hoặc
- b. Một cổ đông hay các cổ đông với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác.

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy ngày làm việc kể từ khi tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu một văn phòng luật sự chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

VIII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:

Điều 49: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty, danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.



2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung điều lệ, Giấy Đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi cổ đông đều có quyền có được một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ này phải được đưa lên website của công ty.

IX. CÔNG NHÂN VIÊN và CÔNG ĐOÀN

Điều 50: Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

THỐNG KÊ TÀI KHOẢN TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

I. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DƯ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 51: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

Điều 52: Quỹ dự trữ

Hằng năm, công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật. Khoản này không được vượt quá năm phần trăm lợi nhuận sau thuế (5%) lợi nhuận sau thuế của công ty và sẽ chỉ được trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% vốn điều lệ của công ty.

Điều 53: Năm tài khoá

Năm tài khoá của công ty bắt đầu ngày một tháng Giêng hằng năm vào kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.

(Handwritten signatures and initials)

Điều 54: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán của công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác đã được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty sẽ phải lập sổ kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán

II. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 55: Báo cáo hằng năm, 06 tháng và hàng quý

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bảng báo cáo kế toán hằng năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định khác của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước và phải được kiểm toán;
2. Báo cáo kế toán phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan về tình hình lãi lỗ của công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy Ban Chứng khoán nhà nước và nộp cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo trung ương trong ba kỳ liên tiếp. Nếu công ty có một trang tin điện tử trên mạng Internet thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý, sáu tháng của công ty phải được đưa lên trang tin điện tử của công ty
5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng trong giờ làm việc của công ty, tại trụ sở chính của công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

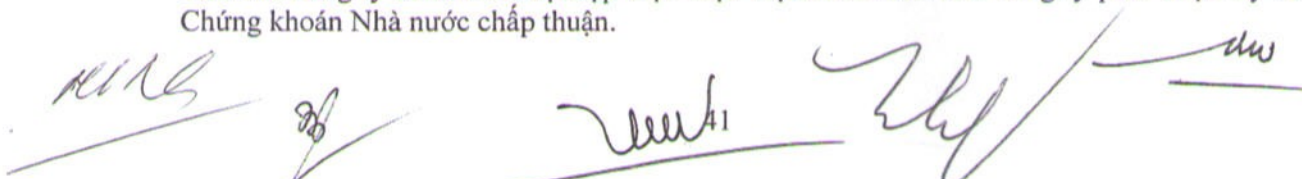
Điều 56: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Báo cáo tài chính hằng năm và các tài liệu hỗ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Pháp luật.

III. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 57: Kiểm toán

1. Tại Đại hội cổ đông hằng năm một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hằng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập của công ty kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế hoạch hằng năm cho biết các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho công ty phải được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.



8. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
9. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
10. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết của mình để có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ có thể có cùng ngày hoặc bất cứ thời điểm nào trước khi được nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan..

CHƯƠNG V

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG - TỔ CHỨC LẠI - GIẢI THỂ

Điều 60: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Theo quyết định của Đại hội cổ đông;
 - b. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;
 - c. Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - d. Các trường hợp khác do Pháp luật quy định
2. Công ty chỉ được giải thể sau khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính;
3. Thủ tục giải thể Công ty: Việc thực hiện giải thể công ty được thực hiện theo các quy định sau đây:
 - a. Thông qua quyết định giải thể công ty; quyết định giải thể công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - ❖ Tên, địa chỉ, trụ sở chính của công ty;
 - ❖ Lý do giải thể;
 - ❖ Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
 - ❖ Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - ❖ Họ, tên và chữ ký của Tổng Giám đốc điều hành.
 - b. Đại hội cổ đông quyết định việc chủ tịch Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của công ty hoặc thành lập Ban Thanh lý để thực hiện việc thanh lý tài sản của công ty;
 - c. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong công ty và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

Quyết định giải thể của công ty phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba kỳ liên tiếp nếu pháp luật có yêu cầu;

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

d. Các khoản nợ của công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- ❖ Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- ❖ Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán các khoản nợ và chi phí giải thể công ty, phần còn lại thuộc các cổ đông và được phân chia theo tỷ lệ cổ phần mà họ nắm giữ.

- e. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của công ty, Tổng giám đốc phải gửi hồ sơ giải thể công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh để tiến hành xóa tên công ty trong sổ đăng ký kinh doanh.
- f. Trường hợp công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty phải giải thể trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này.

4. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể:

Kể từ khi có quyết định giải thể công ty, nghiêm cấm công ty, người quản lý công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

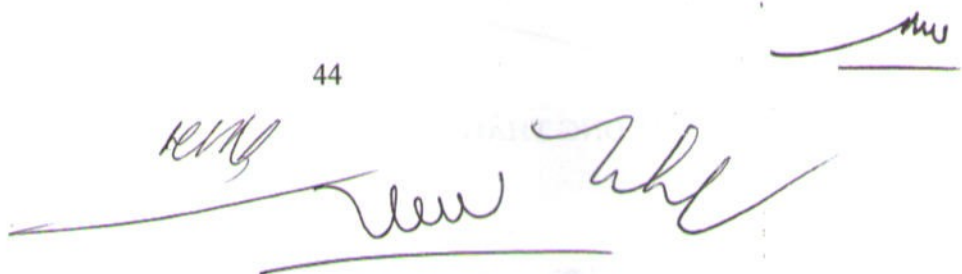
- a. - Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- c. - Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
- d. Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp.
- e. Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- f. Chấm dứt hiệu lực hợp đồng đã có hiệu lực;
- g. Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

Điều 61: Sự bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi điều lệ này có các quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể chiếu theo một hoặc một số căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hành động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cho toàn thể cổ đông.

Điều 62: Thanh lý



1. Sau khi có quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban Thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các khoản chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước tòa án và cơ quan hành chính
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự khoản 3d Điều 63 của Điều lệ này.
4. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra tòa án kinh tế
5. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 63: Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 6 Chương, 63 Điều, được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2009, tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và thống nhất của công ty.
3. Những vấn đề nào không được đề cập trong bản điều lệ này sẽ được điều chỉnh theo các quy định pháp luật liên quan.
4. Các bản sao, trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất ½ tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Điều lệ này được lập thành 03 bản có giá trị ngang nhau

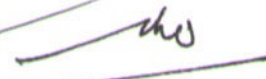
CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



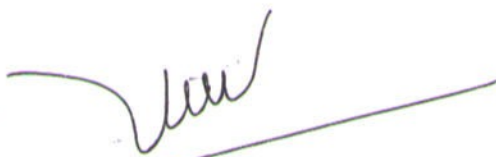
HÀ VIỆT THANH



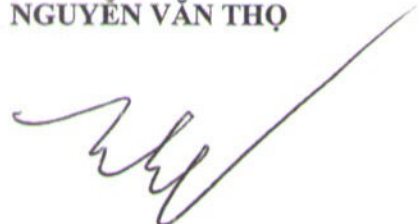
PHẠM XUÂN HỒNG



NGUYỄN VĂN THỌ



PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO



NGUYỄN VĂN KHỞI